

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGHI SƠN  
TỈNH THANH HÓA  
Bản án số: 07/2024/DS-ST  
Ngày 19 - 7 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trương Văn Bắc

2. Ông Quản Giang Thao

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Vân Ánh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLST-DS ngày 09/5/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 65/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 của TAND thị xã Nghi Sơn giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Lê Đình T** - Sinh năm 1971 (có mặt)

*Địa chỉ:* **Thôn H, xã P, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.**

*Bị đơn:* 1. Ông **Lê Đăng S** - Sinh năm 1976 (có mặt)

2. Bà **Lê Thị H** - Sinh năm 1980 (vắng mặt)

*Địa chỉ:* **Thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.**

*Người đại diện theo ủy quyền của bà **Lê Thị H** là:* Ông **Lê Đăng S** (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ nguyên đơn ông **Lê Đình T** trình bày:**

Ông và vợ chồng ông **Lê Đăng S**, bà **Lê Thị H** có mối quan hệ quen biết nên ông đã hai lần cho vợ chồng ông **S** và bà **H** vay tiền. Cụ thể:

+ Ngày 05/8/2019 ông **T** có cho vợ chồng ông **S**, bà **H** vay số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), thời hạn 05 tháng phải trả nợ.

+ Ngày 12/10/2019 ông **T** có cho vợ chồng ông **S**, bà **H** vay số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), thời hạn 12 tháng phải trả nợ.

Cả hai lần cho vay tiền đều viết giấy vay nợ, cả hai bên đều ký tên vào giấy.

Tổng số tiền ông cho vợ chồng ông **S** và bà **H** vay là 65.000.000đ. Nay đã quá thời hạn trả nợ, ông đã nhiều lần yêu cầu ông **S** và bà **H** trả nợ nhưng vợ chồng ông **S** bà **H** không trả nợ cho ông. Vì vậy, nay ông khởi kiện yêu cầu toà án buộc ông **S** và bà **H** trả nợ cho ông. Ông không yêu cầu tính lãi.

- *Tại bản tự khai và phiên hoà giải ông **Lê Đăng S** trình bày như sau:*

Vợ chồng ông và ông **Lê Đình T** có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng ông có vay tiền của ông **T** hai lần như ông **T** trình bày là đúng. Cụ thể:

+ Ngày 05/8/2019 ông **T** có cho vợ chồng ông vay số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), thời hạn 05 tháng phải trả nợ.

+ Ngày 12/10/2019 ông **T** có cho vợ chồng ông vay số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), thời hạn 12 tháng phải trả nợ.

Cả hai lần cho vay tiền đều viết giấy vay nợ, cả hai bên đều ký tên vào giấy.

Giấy vay nợ mà ông **T** nộp cho toà án là đúng, trên giấy có chữ ký của cả hai vợ chồng ông là đúng. Nay đã quá hạn trả nợ, nhưng do gia đình ông rất khó khăn nên chưa thể trả nợ được cho ông **T**. Mong ông **T** cho vợ chồng ông khất nợ và trả dần.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập bà **Lê Thị H** đến trình bày lời khai và tham gia phiên hoà giải nhưng bà **H** không đến theo thông báo của toà án.

Tại phiên toà, ông **S** có nguyện vọng được trả nợ dần theo phương án: Cuối năm 2024 trả 5.000.000đ (năm triệu đồng); từ năm 2025 trở đi, mỗi năm trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Nhưng ông **T** không đồng ý, ông **T** yêu cầu vợ chồng ông **S** phải thanh toán ngay cho ông **T** toàn bộ nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên toà, bà **Lê Thị H** vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền cho ông **S** tham gia phiên toà. Vì vậy, toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà **H** theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung:** Có đủ cơ sở xác định: Vợ chồng ông **S** và bà **H** có vay ông **T** tổng số tiền 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng). Cụ thể: Ngày 05/8/2019 ông **T** có cho vợ chồng ông **S**, bà **H** vay số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), thời hạn 05 tháng phải trả nợ. Ngày 12/10/2019 ông **T** có cho vợ chồng

ông **S**, bà **H** vay số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), thời hạn 12 tháng phải trả nợ. Việc vay nợ có lập thành văn bản viết tay là 02 “giấy vay tiền”, có chữ ký của hai bên. Đã quá thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng bà **H** và ông **S** không trả nợ cho ông **T**. Ông **S** thừa nhận vợ chồng có vay nợ ông **T** như trên là đúng sự thật, nhưng do gia đình khó khăn nên ông chưa trả được nợ. Như vậy, việc ông **T** khởi kiện là có căn cứ pháp luật, phù hợp với Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự.

**[3] Về án phí:** Vợ chồng ông **S** và bà **H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông **T** không phải nộp án phí, trả lại cho ông **T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* **Căn cứ:** Điều 463, Điều 466 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí Tòa án - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

\* **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Đình T**.

Buộc vợ chồng ông **Lê Đăng S** và bà **Lê Thị H** phải trả cho ông **T** số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu vợ chồng ông **S** và bà **H** không trả được số nợ trên cho ông **T** thì ông **T** có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Nghi Sơn, Thanh Hoá thi hành số tiền nợ trên. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong Bản án, hàng tháng, vợ chồng ông **S** và bà **H** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất của quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

\* **Về án phí:** Vợ chồng ông **S** và bà **H** phải chịu 3.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông **T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.625.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007162 ngày 08/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

\* **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Huyền**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Bắc      Quản Giang Thao**

**Nguyễn Thanh Huyền**